TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21/6/2021
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Triệu Thúy Hà**;

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Hoàng Thị Hòa;**

Ngô Thị Yêm

Thư ký phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thuỳ Dung**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thanh P, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 7 thị trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Ông Lê Quang N, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4 phường Tân L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Tổ 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Bà P, Ông N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn Bà Vũ Thị Thanh P trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Vũ Thị Thanh P và Ông Lê Quang N tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng chuyển về Tổ 7 thị trấn A, huyện A, Thành phố Hà Nội sinh sống. Vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng hơn kể từ năm 2019 đến nay. Hiện tại ông bà đã ly thân được hai năm. Bản thân ông bà và gia đình đã tự hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mẫu thuẫn.

Nay Bà P xác định không còn tình cảm với Ông N, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn Ông N để được ổn định cuộc sống riêng.

- **Về con chung**: Ông N, Bà P có 02 con chung là Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011. Ly hôn Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu Ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Hiện bà đang làm công nhân tại Nhà máy kết cấu Thép A, thu nhập khoảng 10 triệu/01 tháng. Cả hai con chung của ông bà đang đi học tại trường Trung học, Tiểu học tại Thị trấn A.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung**: Bà P đã được Toà án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với vấn đề tài sản nhưng bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Bị đơn Ông Lê Quang N trình bày:***

- **Về quan hệ hôn nhân**: Ông và Bà Vũ Thị Thanh P kết hôn ngày 23/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng chuyển về Tổ 7 thị trấn A, huyện A, Thành phố Hà Nội chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra những bất đồng nhỏ trong quan điểm sống. Ông không biết vợ chồng mâu thuẫn từ thời điểm nào, tuy nhiên ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Bản thân ông không muốn vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, nếu Bà P kiên quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- **Về con chung**: Ông N, Bà P có 02 con chung là Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011. Trường hợp ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bà P được nuôi cả hai con chung thì ông đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng mà Bà P yêu cầu.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung**: Ông N khẳng định vợ chồng có tài sản chung, có nợ chung. Tuy nhiên, nếu ly hôn vợ chồng ông sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N còn khẳng định vợ chồng phải nhất trí thoả thuận xong hết về tài sản mới đến Toà để giải quyết ly hôn

**** Xác minh về quan hệ hôn nhân của Ông N, Bà P tại địa phương thể hiện:*** Về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và con chung đúng như Bà P trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình hôn nhân ông bà cụ thể như nào địa phương không nắm bắt được, tuy nhiên ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn kể từ năm 2019 đến nay. Ông bà đã sống ly thân với nhau kể từ 2019. Nay Bà P xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông N, Bà P có 02 con chung là Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011, hiện cả hai cháu Thanh, cháu Nhi đang ở cùng Bà P tại tổ 7 thị trấn A. Ông N, Bà P hiện nay đều là công nhân Nhà máy kết cấu Thép A. Bà P và hai con có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 7 thị trấn A; Ông N chỉ đăng ký tạm trú tại đây. Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: Ông bà có tài sản chung hay

nợ chung gì không địa phương không nắm được. Nay Bà P xin ly hôn Ông N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà P giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông N. Về con chung: Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011 và yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà P xác định vợ chồng có tài sản chung, có nợ chung. Tuy nhiên vợ chồng bà sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N trình bày tại phiên toà: Ông đồng ý ly hôn với Bà P.

Về con chung: Ông Nhất trí để Bà P trực tiếp nuôi con chung, ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà P 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2021 đến khi các con tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định vợ chồng có tài sản chung, nợ chung. Ông N khẳng định: Ông và Bà P tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung*:**

Đề nghị Toà ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của Bà Vũ Thị Thanh P với Ông Lê Quang N.

+ Về con chung: Giao cháu cả hai con chung Lê Quang T và Lê Trang Thảo N cho Bà P nuôi dưỡng, Ông N cấp dưỡng nuôi con cho Bà P 3.000.000 đồng/tháng.

Ông N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toá án giải quyết nên không xét.

+ Về án phí: Bà P và Ông N chịu nghĩa vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**<u>Về tố tụng</u>**: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông N có đăng ký tạm trú tại địa bàn huyện A nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]**Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Các chứng cứ có trong trong hồ sơ thể hiện Bà P, Ông N kết hôn ngày 23/7/2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Tân L, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại Toà án, Bà P, Ông N đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, xô xát do bất đồng về quan điểm sống, gia đình và bản thân vợ chồng tự hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên toà, Bà P Ông N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà P, Ông N có 02 con chung là Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng với Bà P. Bà P có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu Thanh, cháu Nhi. Ông N đồng ý để Bà P nuôi cả hai con chung để các cháu thuận lợi trong học tập và sinh hoạt. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà P và Ông N. Giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu Ông N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/01 tháng. Ông N đồng ý. Do vậy, ghi nhận sự thoả thuận của ông bà về việc cấp dưỡng nuôi con. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà P là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Toà án.

Về tài sản chung, nợ chung: Cả Ông N và Bà P đều khẳng định ông bà có tài sản chung, có nợ chung nhưng tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy, hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn cho Bà P, Ông N khi ông bà có điều điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3]**Về án phí**: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]**Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Vũ Thị Thanh P và Ông Lê Quang N.

Về con chung: Giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con

chung của ông bà đủ 18 hoặc khi Tòa án có quyết định khác. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà P là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Toà án.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng sau khi ly hôn cho Bà P, Ông N khi ông bà có điều điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/004525 ngày 07/4/2021. Bà P đã nộp đủ án phí.

Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Bà P, Ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận huyện A;
- Ủy ban nhân dân phường Tân L, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Triệu Thúy Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Triệu Thúy Hà**;

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Hoàng Thị Hòa;**

Bà Ngô Thị Yêm

Tiến hành nghị án về vụ án: Tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021.

Sau khi thảo luận và nghị bàn, các thành viên trong Hội đồng xét xử có ý kiến và quyết định như sau:

1/ Về quan hệ pháp luật:

Biểu quyết 3/3: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

2/ Điều luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án:

Biểu quyết 3/3:

Áp dụng :

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Bà Vũ Thị Thanh P và Ông Lê Quang N.

Về con chung: Giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 01/12/2008 và Lê Trang Thảo N, sinh ngày 23/8/2011 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 hoặc khi Tòa án có quyết định khác. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho Bà P là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Toà án.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng sau khi ly hôn cho Bà P, Ông N khi ông bà có điểu điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/004525 ngày 07/4/2021. Bà P đã nộp đủ án phí.

Ông N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Bà P, Ông N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

Triệu Thúy Hà